

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN TÂN PHÚ
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **696/2020/HNGĐ-ST**

Ngày: 18-8-2020

V/v: tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN PHÚ - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Cương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hoàng

2. Bà Trần Quang Cảnh

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hương Giang – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Tân Phú, thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa:
bà Đặng Thị Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 182/2020/HNST ngày 05 tháng 3 năm 2020 theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 251/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 6 năm 2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 353/2020/QĐST-DS ngày 22 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự :

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Âu Hải M1, sinh năm 1998

Địa chỉ: 115 Ý, phường H1, quận T2

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990

Địa chỉ: 115 Ý, phường H1, quận T2

(các đương sự vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 24/02/2020 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Nguyễn Âu Hải M1 trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân: bà Nguyễn Âu Hải M1 và ông Nguyễn Văn T1 tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2019, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường H1, quận T2 theo Giấy chứng nhận kết hôn số 105 ngày 16/3/2019.

Sau khi kết hôn hai bên về chung sống tại 115 Ý, phường H1, quận T2.

Trong quá trình chung sống phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, khác biệt về cách sống, cách cư xử nên thường xuyên gây gổ, cãi vã. Bà M1 không còn tình cảm với ông T1 và hai bên không còn sự quan tâm, chăm sóc, yêu thương nhau nên mục đích hôn nhân không đạt được. Bà M1 yêu cầu ly hôn với ông T1 để ổn định cuộc sống.

- **Về con chung:** bà M1 xác nhận không có

- **Về tài sản chung và nợ chung:** bà M1 xác nhận không có.

* **Bị đơn ông Nguyễn Văn T1** đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Tòa án đưa vụ án ra xét xử theo luật định

Tại phiên tòa hôm nay:

Bà M1 có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Bị đơn là ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhưng vắng mặt.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Phú tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

+ Về nội dung: Đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

+ Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là tuân theo đúng qui định của pháp luật tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quyền khởi kiện, quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 105 do Ủy ban nhân dân phường H1, quận T2, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/10/2019 thì quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Âu Hải M1 và ông Nguyễn Văn T1 là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận. Nay bà M1 yêu cầu ly hôn, ông T1 có nơi cư trú tại quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh nên Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là phù hợp với khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục xét xử vắng mặt:

Bà M1 có đơn xin xét xử vắng mặt, ông T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bà M1 và ông T1 theo qui định Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Âu Hải M1 xác định vợ chồng có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cách sống nên hai bên không còn quan tâm đến nhau. Hiện nay, bà M1 không còn tình cảm với ông Nguyễn Văn T1 nên bà M1 yêu cầu ly hôn. Ông Nguyễn Văn T1 không đến Tòa án theo giấy triệu tập của Tòa án, thể hiện ông T1 không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng. Do đó, căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M1.

* Về quan hệ con chung: Bà M1 khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét .

* Về tài sản chung và nợ chung: Bà M1 khai không có. Nếu sau này ông T1 có căn cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

[4]. Về án phí: Bà M1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng theo qui định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147; khoản 2 Điều 227 ; Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự;

- Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn

- ***Về quan hệ hôn nhân:*** bà Nguyễn Âu Hải M1 được ly hôn với ông Nguyễn Văn T1.

Giấy chứng nhận kết hôn số 105 do Ủy ban nhân dân phường Hiệp Tân, quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 16/10/2019 cho bà Nguyễn Âu Hải M1 và ông Nguyễn Văn T1 không còn giá trị pháp luật kể từ ngày bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

- ***Về quan hệ con chung:*** Bà M1 khai không có

- ***Về tài sản chung và nợ chung:*** bà M1 khai không có. Nếu sau này ông T1 có căn cứ cho rằng hai bên có tài sản chung và nợ chung thì sẽ được giải quyết bằng một vụ kiện khác theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: bà Nguyễn Âu Hải M1 phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng, được trừ vào tiền tạm ứng án phí do bà M1 đã nộp theo biên lai thu số 0020661 ngày 05/3/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo: bà M1 và ông T1 được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6;7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND Q. Tân Phú;
- Chi cục Thi hành án dân sự
Q. Tân Phú;
- Dương sự;
- UBND phường H1, quận T2.
- Lưu

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Kim Cương